SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 5 - HKII

MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 10

NỘI DUNG	
Tên bài học/ Chủ đề - Khối Lớp	- Khái quát lịch sử Tiếng Việt - Hiền tài là nguyên khí của quốc gia
<u>Hoạt động 1:</u> ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu***	**1. Tài liệu tham khảo:** - SGK Ngữ Văn 10 – tập hai (bản chuẩn) • Khái quát lịch sử Tiếng Việt • Hiền tài là nguyên khí của quốc gia - Nội dung kiến thức cần ghi nhớ ở Phụ lục 1 **2. Yêu cầu** - Học sinh ghi chép đầy đủ Phụ lục 1 vào vở. - Xử lý các thông tin trong SGK (Kết quả cần đạt; Tìm hiểu chung; Chi tiết trọng tâm trong văn bản; Từ khó; Trả lời phần hướng dẫn học bài; Ghi nhớ sau mỗi bài học) - Trong quá trình đọc, học, tiếp cận kiến thức Học sinh có thắc mắc (nếu có) thì điền vào "Phiếu tổng hợp thắc mắc" (Phụ lục 2 – đính kèm) và liên hệ với GVBM để giải đáp thắc mắc.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học***	Hoàn thành bài tập được giao hoặc "Phiếu học tập" (Phụ lục 3 – đính kèm). Sau đó, chụp và nộp lại cho GV.

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TIẾNG VIỆT

1. Tiếng Việt trong thời kì dựng nước

a. Nguồn gốc tiếng Việt

❖ Tiếng Việt có nguồn gốc bản địa (được hình thành trên lãnh thổ Việt Nam).

❖ Tiếng Việt thuộc họ ngôn ngữ Nam Á (bao gồm tất cả các ngôn ngữ ở khu vực Nam Á) dòng Môn– Khmer.

b. Quan hệ họ hàng của tiếng Việt

Các ngôn ngữ thuộc dòng Môn– Khmer (Việt, Mường, Khmer, Bana, …) có quan hệ họ hàng

VD: Sự tương ứng về ngữ âm, ngữ nghĩa

Việt	Mường	Khmer	Bana
mũi	*mui*	*chrmuh*	*muh*
tay	*thai*	*day*	*ti*
tóc	*thak*	*sok*	*sok*

2. Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

❖ Tiếng Việt và tiếng Hán có quan hệ tiếp xúc.

5. Tiếng Việt từ sau Cách mạng tháng Tám

❖ Các ngành khoa học – kĩ thuật hiện đại đều đã biên soạn được những tập sách thuật ngữ chuyên dùng, chủ yếu dựa trên ba cách thức.

✓ Phiên âm thuật ngữ khoa học của phương Tây.

VD: *acide→ a-xít, amibe→ a-míp*

✓ Vay mượn thuật ngữ khoa học – kĩ thuật qua tiếng Trung Quốc.

VD: *Sinh quyển, môi sinh*.

✓ Đặt thuật ngữ thuần Việt.

VD: *Thiếu máu (bần huyết)*

❖ Tiếng Việt trở thành ngôn ngữ quốc gia.

❁ **Ghi nhớ:** SGK/38

II. CHỮ VIẾT CỦA TIẾNG VIỆT

❁ Chữ viết là công cụ đắc lực cho hoạt động ngôn ngữ- văn hóa.

1. Chữ Nôm

Chữ Nôm là một hệ thống chữ viết ghi âm dùng chữ Hán hoặc bộ phận chữ Hán được cấu tạo lại để ghi tiếng Việt theo nguyên tắc ghi âm tiết, trên cơ sở cách đọc chữ Hán của người Việt (âm Hán Việt).

2. Chữ quốc ngữ

❖ Là hệ thống chữ viết dùng chữ cái La-tinh để ghi âm (âm vị) tiếng Việt (nên số lượng chữ viết không quá lớn).

❖ Đơn giản về hình thể kết cấu.

VD: Chữ *trời* được cấu tạo từ bốn chữ cái *t, r, ơ, i* và thanh *huyền*.

❖ Giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự phù hợp ở mức độ cao.

❖ Muốn đọc mọi chữ trong tiếng Việt chỉ cần thuộc bảng chữ cái và cách ghép vần.

III. LUYỆN TẬP

Bài 1: Ví dụ minh họa các biện pháp Việt hóa từ ngữ Hán được vay mượn.

❖ Việt hóa âm đọc.

VD: → *giáo khoa*

❖ Rút gọn.

VD: *Lạc hoa sinh*→

❖ Đảo vị trí các yếu tố.

VD: *Nhiệt náo*→ *náo nhiệt*

❖ Đảo nghĩa.

VD: *Phương phi* (hoa cỏ thơm tho→ béo tốt)

❖ Sao phỏng, dịch nghĩa.

VD: *Tu mi*→ *mày râu*

Giang sơn→ *sông núi*.

❖ Chuyển đổi sắc thái tu từ.

VD: *Khốn nạn* (khó khăn, khốn khổ→ hèn mạt không còn chút nhân cách)

❖ Tạo từ mới bằng các yếu tố từ ngữ Hán.

VD: *Nghi ngờ* (Hán + Hán)

Chà đạp (Việt + Hán)

Vắng ngắt (Hán + Việt)

Bài 2: Cảm nhận về những ưu điểm của chữ quốc ngữ với tư cách là công cụ phụ trợ của tiếng Việt: mục II.2

Bài 3: Ví dụ minh họa cho ba cách thức đặt thuật ngữ khoa học.

❖ Phiên âm thuật ngữ khoa học của phương Tây

VD: *sin, cô-sin, tang, cô-tang, vet-tơ…*

❖ Vay mượn tiếng Trung Quốc

VD: *hàm số, tích phân, lượng giác…*

❖ Đặt thuật ngữ thuần Việt

VD: *góc nhọn, góc tù, đường chéo…*

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA

(Trích *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên thiệu Đại Bảo thứ ba*)

Thân Nhân Trung

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả Thân Nhân Trung

❖ Thân Nhân Trung (1418 - 1499), tự là Hậu Phủ, quê ở Bắc Giang.

❖ Đỗ tiến sĩ năm 1469, nổi tiếng văn chương được vua Lê Thánh Tông phong là Tao đàn phó nguyên súy.

2. Văn bản

a. Thể loại văn bia

❖ Loại văn được khắc trên mặt đá nhằm ghi chép những sự việc trọng đại hoặc tên tuổi, cuộc đời của những người có công đức lớn để lưu truyền cho đời sau. Gồm 3 phần:

✓ Tự (kể).

✓ Minh (ghi nhớ).

✓ Ghi ngày, tháng, họ tên người làm bia.

❖ Thường được đặt ở văn Miếu, chùa chiền, lăng mộ.

b. Hoàn cảnh sáng tác

Năm 1484, theo sự ủy thác của vua Lê Thánh Tông, Thân Nhân Trung khắc bài văn này vào bia để khuyến khích nhân tài.

c. Xuất xứ

Một trong 82 bài văn bia ở Văn Miếu (Hà Nội)

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Vai trò của hiền tài đối với quốc gia

❖ *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*: người tài cao, học rộng và có đạo đức là *khí chất* ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của quốc gia.

❖ Hiền tài có quan hệ sống còn với sự thịnh suy của đất nước. *Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh … rồi xuống thấp*.

→ Bằng lập luận chặt chẽ, lời giải thích đầy sức thuyết phục, tác giả khẳng định và nâng cao vai trò của hiền tài đối với quốc gia.

❖ Các vị vua chúa ngày xưa có quan tâm đào tạo nhân tài: *Bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kén sĩ, vun trồng nguyên khí*.

❖ Biểu hiện của sự quan tâm.

✓ Khắc bia tiến sĩ.

✓ Dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan.

→ Việc ươm nguồn nguyên khí rất được chú trọng, được đặt lên hàn đầu.

2. Ý nghĩa của việc khắc bia

a. <u>Đối với đương thời</u>

❖ <u>Đề cao người tài</u> khiến họ *tự trọng đem tấm thân mà ra sức báo đáp*, đem văn học chính sự ra tô điểm cho cảnh trị bình.

❖ <u>Khuyến khích mọi người noi gương hiền tài</u> *khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua*.

❖ <u>Ngăn ngừa điều ác</u>: *ý xấu bị ngăn chặn, kẻ ác lấy đó làm răn*.

b. <u>Đối với hậu thế</u>

❖ <u>Tôn vinh quá khứ, làm gương cho thế hệ tương lai</u>: *dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai*.

❖ <u>Tạo dựng truyền thống</u>, làm cho nguyên khí quốc gia thêm bền vững: *củng cố mệnh mạch cho nhà nước*

→ Lối <u>kết cấu vòng tròn</u> chặt chẽ góp phần <u>khẳng định</u> vai trò quan trọng của hiền tài đối với vận mệnh dân tộc.

3. <u>Bài học lịch sử</u>

❖ Phải trân trọng hiền tài.

❖ Phải chăm lo bồi dưỡng hiền tài để đất nước thịnh vượng.

❖ Thấm nhuần quan điểm.

✓ Nhà nước: *Giáo dục là quốc sách, trọng dụng nhân tài*

✓ Hồ Chí Minh: *Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*

❁ <u>Liên hệ bản thân</u>:

❖ Nổ lực học tập để đạt trình độ cao.

❖ Trao dồi đạo đức, nghiêm chỉnh chấp hành nội qui nhà trường …

III. <u>TỔNG KẾT</u>

1. <u>Nội dung</u> (chủ đề)

❖ Khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với vận mệnh đất nước.

❖ Khắc bia tiến sĩ là việc làm khuyến khích người tài, có ý nghĩa rất lớn đối với đương thời và hậu thế.

2. <u>Nghệ thuật</u>: Kết cấu chặt chẽ, lặp luận khúc chiết giàu sức thuyết phục.

PHỤ LỤC 2

PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC CỦA HỌC SINH

TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 5

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 10A…

Họ và tên học sinh:…….STT:…….

Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	- Mục: • Phần:	1/ 2/ 3/
2		
3		

PHỤ LỤC 3

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA

(Trích *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba*)

Thân Nhân Trung

I. Tìm hiểu chung theo gợi dẫn sau:

1. *Tìm hiểu về văn miếu – Quốc Tử Giám*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. *Trình bày hiểu biết của em về tác giả Thân Nhân Trung?*

.....
.....
.....
.....
.....

3. *Hoàn cảnh ra đời tác phẩm.*

.....
.....
.....
.....
.....

4. *Hãy xác định bố cục của VB có thể chia thành mấy phần, nội dung của mỗi phần?*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

II. Tìm hiểu chi tiết theo gợi dẫn.

1. *Em hiểu câu: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia" ntn? Tác giả đã chứng minh luận điểm trên bằng phương pháp lập luận nào? ntn?*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Các thánh đế minh vương đã làm gì để khuyến khích hiền tài? Tại sao nói thế vẫn chưa đủ?

.....
.....
.....
.....
.....

3. Nêu ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Những bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia tiến sĩ.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. Bài tập liên hệ,mở rộng:

Từ văn bản " Hiền tài là nguyên khí của quốc gia" (Trích Bài kí đề danh tiến sĩ Khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba), hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 đến 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của những nhân tài đất Việt ngày nay trong công cuộc xây dựng đất nước.

.....
.....